

Số: 106/2025/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 24 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Nhất N, năm sinh 1979; Địa chỉ thường trú: Số 1 đường B, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số 295 đường T (X, đường số E), phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Hà Thị Kim N1, năm sinh 1983; Địa chỉ thường trú: Số 1 đường B, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Nhất N và bà Hà Thị Kim N1 có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà N1 hiện cư trú tại quận T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông N và bà N1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 23 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông N và bà N1 là vợ chồng hợp pháp. Ngày 08 tháng 12 năm 2024, ông N và bà N1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 02 năm 2025, ông N và bà N1 cùng

thỏa thuận:

- Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hà Kim N2, ngày sinh 10 tháng 12 năm 2007 và Nguyễn Trí T, ngày sinh 09 tháng 7 năm 2014. Ly hôn ông N và bà N1 thỏa thuận, giao 02 con chung cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 (Sáu triệu) đồng/tháng (3.000.000 đồng/tháng/con). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do ông N và bà N1 tự thực hiện, giao nhận với nhau.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung của ông N và bà N1 là tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí: Ông N và bà N1 cùng chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Nhất N và bà Hà Thị Kim N1.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hà Kim N2, ngày sinh 10 tháng 12 năm 2007 và Nguyễn Trí T, ngày sinh 09 tháng 7 năm 2014 cho bà Hà Thị Kim N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Nguyễn Nhất N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 (Sáu triệu) đồng/tháng (3.000.000 đồng/tháng/con). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Nhất N và bà Hà Thị Kim N1 tự thực hiện, giao nhận với nhau.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Nguyễn Nhất N chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông Nguyễn Nhất N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Nhất N và bà Hà Thị Kim N1 cùng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng là số tiền tạm ứng lệ phí do ông Nguyễn Nhất N và bà Hà Thị Kim N1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003134 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Nhất N và bà Hà Thị Kim N1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
 - UBND Phường D, quận T
- (theo giấy CNKH số 178 ngày 23/11/2006);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Tuấn Nhu